

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu:

- Ông: Nguyễn Trần Thanh B, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 417A Đường H, Phường C, thành phố N, tỉnh Đ.

- Bà: Bùi Thị Thanh N, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: số 1564 Đường K, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Người yêu cầu:

- Ông: Nguyễn Trần Thanh B, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 417A Đường H, Phường C, thành phố N, tỉnh Đ.

- Bà: Bùi Thị Thanh N, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: số 1564 Đường K, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trần Thanh B và bà Bùi Thị Thanh N cùng thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Trần Thanh B và bà Bùi Thị Thanh N thống nhất giao con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 12/9/2014 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Ông B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Trần Thanh B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Bùi Thị Thanh N. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trần Thanh B và bà Bùi Thị Thanh N tự nguyện chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028770 ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, ông Nguyễn Trần Thanh B còn đồng ý nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận bà Bùi Thị Thanh N đã nộp xong tiền lệ phí.

3. Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực, giấy chứng nhận kết hôn số 115 quyển số 01/2014 ngày 12/11/2014 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trần Thanh B và bà Bùi Thị Thanh N không còn hiệu lực pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSNDQ6;
- CCTHADSQ6;
- Lưu hồ sơ, Vp.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tú